

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Bằng và ông Vũ Đức Phúc;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thảo Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Duy L, sinh năm 1998; (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1998; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 15/6/2024; (vắng mặt)

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu A: Anh Nguyễn Minh H và chị Trần Duy L là bố mẹ đẻ của cháu.

* *Người làm chứng:* Bà Trương Thị B, sinh năm 1941; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Trần Duy L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 24/10/2021 theo quy định của pháp luật, không bị ai ngăn cản hay bắt ép, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, chị và anh H quyết định ra ăn riêng, ở riêng trên đất của gia đình nhà chồng tại thôn P, xã

T, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị bình thường đến cuối năm 2022, vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xoay quanh chủ yếu về vấn đề kinh tế, anh H mãi chơi, không chịu lo làm ăn, không làm ra kinh tế mà còn tiêu tốn kinh tế của gia đình vào việc chơi bời, cờ bạc. Có lần chị phải trả nợ thay cho anh H, anh H không chăm lo gia đình, không quan tâm vợ con. Chị tiêu sinh hoạt gia đình đều do mình chị xoay sở, tự lo, anh H không góp một đồng nào. Chị cũng nhiều lần khuyên ngăn anh H không chơi nữa, tập trung làm ăn để vợ chồng có thêm tích lũy nhưng anh H không nghe khiến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Ngoài ra, khi về sống cùng nhau, chị nhận ra giữa chị và anh H không hợp nhau về tính cách, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, lâu dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, chị mất niềm tin vào anh H, cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, đến khoảng tháng 01/2025, chị có xin phép mẹ chồng cho chị cùng con về nhà mẹ đẻ chị tại thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên sinh sống, vợ chồng chị quyết định sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 15/6/2024. Hiện tại cháu A đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác chung: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về vấn đề kết hôn như chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh bình thường được khoảng hơn 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xoay quanh vấn đề quản lý chi tiêu kinh tế trong gia đình, vợ chồng không có sự thống nhất, kinh tế của ai làm ra, tự quản lý tự chi tiêu mà không có sự tập trung từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mất niềm tin ở nhau. Ngoài ra, thời gian đầu khi hai vợ chồng mới lấy nhau anh cũng có phần ham chơi với bạn bè, tuy nhiên anh cũng đã suy nghĩ lại, tập trung làm ăn lo cho gia đình. Đến đầu tháng 01/2025, chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên sinh sống, vợ chồng anh sống ly thân, mỗi người ở một nơi từ đó cho đến nay, thời gian đầu anh chị vẫn liên lạc với nhau và quan tâm nhau, tuy nhiên khoảng 03 - 04 tháng trở lại, vợ chồng còn không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không nhất trí ly hôn. Trường hợp chị L kiên quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật xem xét, giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 15/6/2024. Hiện tại, cháu A ở với chị L từ khi vợ chồng sống ly thân nhau. Ly hôn, chị L có quan điểm xin được nuôi con thì quan điểm của anh vì cháu A còn nhỏ tuổi theo quy định của pháp luật thì mẹ là người trực tiếp nuôi con nên anh cũng nhất trí quan điểm giao cháu A cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng, anh cũng nhất trí theo quan điểm chị L, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị L số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng: Bà Trương Thị B (là bà nội của anh H) trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn gì đến khoảng đầu năm 2025, không hiểu vì lý do gì chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ trong khi vợ chồng anh chị không xảy ra cãi nhau gì. Từ khi hai anh chị sống ly thân, gia đình bà đã nhiều lần ngồi trò chuyện, khuyên ngăn, phân tích cho chị L nhưng chị L không nghe và không muốn quay về với anh H. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh H, đây là việc riêng của hai anh chị, để anh chị tự quyết, gia đình bà không có ý kiến đề nghị gì. Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 15/6/2024. Theo gia đình bà nắm được, vợ chồng anh H và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung, gia đình bà không liên quan đến vấn đề tài sản giữa chị L và anh H nên gia đình bà không có yêu cầu, đề nghị gì. Bà B đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

UBND xã T cung cấp thông tin: Chị L và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 24/10/2021 theo đúng quy định pháp luật. Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 15/6/2024. Địa phương không nắm được vợ chồng chị L và anh H mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử, vắng mặt; người làm chứng trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng trình bày quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh H. Về con chung: giao cháu A cho

chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thoả thuận giữa chị L và anh H, hàng tháng anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị L số tiền 3.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Duy L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Minh H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Minh H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên. Chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Duy L và bị đơn anh Nguyễn Minh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt; người làm chứng bà Trương Thị B trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Duy L và anh Nguyễn Minh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 24/10/2021 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh H bình thường, đến cuối năm 2022 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả chị L và anh H đều xác nhận vợ chồng mâu thuẫn trong quản lý chi tiêu kinh tế trong gia đình không có sự tập trung, kinh tế của ai làm ra tự quản lý, tự chi tiêu. Ngoài ra, thời gian đầu sau khi kết hôn anh H còn mải chơi, còn tiêu tốn kinh tế của gia đình vào việc chơi bời. Từ đó, vợ chồng sống mất niềm tin ở nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Anh H và chị L đều xác nhận vợ chồng sống ly thân nhau từ khoảng đầu tháng 01/2025 cho đến nay. Đến nay, chị L xác nhận không còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Anh H xác nhận, anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị L nên anh không nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ, chăm sóc và chung sống cùng nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân vợ chồng giữa chị L và anh H không có sự gắn kết, không có sự quan tâm, chia sẻ và cùng nhau vun đắp cho hạnh phúc, kinh tế vợ chồng không có sự tập trung, của ai làm ra tự quản lý, tự chi tiêu; vợ chồng sống mất niềm tin ở nhau và đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 cho đến

nay. Việc anh H không nhất trí ly hôn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng cũng không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn, cải thiện tình cảm vợ chồng mà để phó mặc nên việc anh H không nhất trí ly hôn cũng chỉ là gây khó khăn cho chị L. Do vậy, chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H là có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Chị Trần Duy L và anh Nguyễn Minh H đều xác nhận, hai anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 15/6/2024. Ly hôn, chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A hàng tháng cùng chị số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Anh H có quan điểm, anh cũng có nguyện vọng xin được nuôi con nhưng vì con còn nhỏ theo pháp luật mẹ là người trực tiếp nuôi con nên anh cũng nhất trí với quan điểm của chị L giao cháu A cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và nhất trí với quan điểm chị L, anh H hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị L số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy: Chị L có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặt khác, cháu An còn nhỏ tuổi, tính đến thời điểm xét xử mới được khoảng 18 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Bản thân anh H cũng xác định cháu A còn nhỏ tuổi nên cũng nhất trí giao cháu A cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu A cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi là cần thiết, phù hợp quy định của pháp luật. Chị L yêu cầu anh H hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 3.000.000 đồng/tháng, anh H nhất trí yêu cầu của chị L. Như vậy, giữa chị L và anh H đã thoả thuận thống nhất được với nhau về tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng trước khi mở phiên toà nên ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa chị L và anh H, hàng tháng anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L để nuôi dưỡng cháu A là 3.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi thi hành án xong, nếu anh H không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Để đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi cha mẹ ly hôn, chị L và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Trần Duy L và anh Nguyễn Minh H đều xác nhận, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy, đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Duy L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn; nguyên đơn chị L và bị đơn anh H tự nguyện thoả thuận về tiền cấp dưỡng nuôi con chung trước khi mở phiên toà và Toà án ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này nên anh H phải chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Duy L, xử cho chị Trần Duy L được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 15/6/2024 cho chị Trần Duy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa chị L và anh H, hàng tháng anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị L là 3.000.000 đồng/tháng (*ba triệu đồng*). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Minh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi thi hành án xong, nếu anh H không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Để đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi cha mẹ ly hôn, chị L và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Duy L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/25E/0002157 ngày 15/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên, chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn. Anh Nguyễn Minh H phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Mạnh Quyền